

ỦY BAN DÂN TỘC

Số: 1500 /UBDT-CSDT

V/v triển khai thực hiện dự án 1,
dự án 2 thuộc Chương trình
MTQG DTTS&MN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Trong thời gian vừa qua, Ủy ban Dân tộc nhận được một số văn bản, đề nghị của các địa phương về hướng dẫn triển khai thực hiện dự án 1, dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025. Ủy ban Dân tộc có ý kiến như sau:

1. Đề nghị các tỉnh, thành phố căn cứ vào Nghị quyết số 88/2019/QH19 ngày 18/11/2019, Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội, Luật đầu tư công 2019 tại Luật số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019, Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021, Quyết định 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022, Nghị định 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ, Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính, Thông tư 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và các văn bản hiện hành triển khai thực hiện dự án 1, dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025 theo đúng quy định.

2. Một số nội dung cụ thể:

a) Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

- Về quy định mức bình quân diện tích đất sản xuất, để làm cơ sở xác định hộ thiếu đất sản xuất: Căn cứ điểm b, khoản 1, mục III Chương trình kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về đối tượng thụ hưởng chính sách thuộc dự án 1 giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt trong đó nêu rõ đối tượng hỗ trợ đất sản xuất là các hộ dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp nhưng không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của địa phương. Do đó nếu địa phương đã có quy định

thì sử dụng theo quy định hiện hành, các địa phương chưa có quy định thì đề nghị tỉnh ban hành định mức đất sản xuất theo quy định.

- Về hướng dẫn sử dụng vốn đầu tư đối với các nội dung đủ điều kiện áp dụng cơ chế đặc thù do cộng đồng tự thực hiện: Căn cứ khoản 4, điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) cấp tỉnh quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đối với quản lý đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù quy định tại Chương IV Nghị định 27/2022/NĐ-CP. Do đó, đề nghị các tỉnh quan tâm, chỉ đạo các Sở, ngành liên quan quy định việc quản lý, thanh quyết toán theo thủ tục, quy định hiện hành; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đề nghị hướng dẫn theo đúng thẩm quyền.

- Về việc thẩm quyền phê duyệt đối tượng thụ hưởng và danh sách các công trình được đầu tư, hỗ trợ:

Tại điều 12, Thông tư 02/2022/TT-UBND đã quy định UBND cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện theo đúng tinh thần phân cấp, phân quyền cho địa phương chủ động trong triển khai thực hiện. Về cấp thẩm quyền phê duyệt danh sách đề nghị tỉnh căn cứ vào Luật Tổ chức chính quyền địa phương, tình hình thực tế và các quy định hiện hành khác để quy định cấp phê duyệt (ví dụ căn cứ vào khoản 5, điều 28, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 UBND cấp huyện có thể phê duyệt danh sách các hộ hỗ trợ đất ở, nhà ở,... nếu được UBND cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền).

- Về ban hành định mức hỗ trợ chính sách đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt tập trung: Ủy ban Dân tộc đã có 02 Tờ trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 1156 /TTr-UBND ngày 22/7/2022 và Tờ trình số 1377/TTr-UBND ngày 24/8/2022 về một số nội dung vướng mắc trong ban hành cơ chế, chính sách triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong đó đã báo cáo và đề xuất sớm ban hành định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất để các địa phương triển khai thực hiện.

- Về phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách vay vốn tín dụng ưu đãi hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề theo Nghị định 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ: Căn cứ Điều 12 Thông tư 02/2022/TT-UBND đề nghị UBND các tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức rà soát, lập và phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước và vay vốn tín dụng ưu đãi.

b) Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

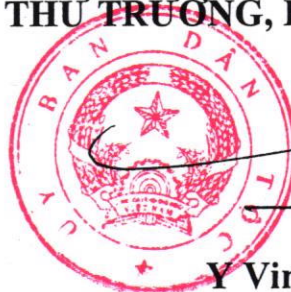
Để đảm bảo triển khai hiệu quả, hoàn thành các mục tiêu được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết 88/2019/QH19 ngày 18/11/2019, Nghị quyết 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 đề nghị các địa phương căn cứ vào các quy định hiện hành chỉ đạo tổ chức triển khai đảm bảo đúng đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính Phủ; thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, không đầu tư dàn trải đảm bảo hiệu quả nguồn vốn của chương trình; ưu tiên giải quyết dứt điểm các dự án cấp bách, có nguy cơ cao về thiên tai, xã an toàn khu, địa bàn đặc biệt khó khăn do tỉnh rà soát, đề xuất, đã được tổng hợp trong báo cáo nghiên cứu khả thi trình Hội đồng thẩm định nhà nước thông qua nguồn vốn của Chương trình.

Đề nghị UBND các tỉnh, thành phố quan tâm, chỉ đạo thực hiện đảm bảo đúng quy định./**YT**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để b/c);
- BDT các tỉnh, thành phố (để t/h);
- Lưu VT, Vụ CSDT(3).

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



Y Vinh Tơ

**DANH SÁCH UBND CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRIỂN KHAI CHƯƠNG
TRÌNH MTQG 1719**

1	UBND thành phố Hà Nội
2	UBND tỉnh Hà Giang
3	UBND tỉnh Cao Bằng
4	UBND tỉnh Bắc Kạn
5	UBND tỉnh Tuyên Quang
6	UBND tỉnh Lào Cai
7	UBND tỉnh Điện Biên
8	UBND tỉnh Lai Châu
9	UBND tỉnh Sơn La
10	UBND tỉnh Yên Bái
11	UBND tỉnh Hoà Bình
12	UBND tỉnh Thái Nguyên
13	UBND tỉnh Lạng Sơn
14	UBND tỉnh Quảng Ninh
15	UBND tỉnh Bắc Giang
16	UBND tỉnh Phú Thọ
17	UBND tỉnh Vĩnh Phúc
18	UBND tỉnh Ninh Bình
19	UBND tỉnh Thanh Hoá
20	UBND tỉnh Nghệ An
21	UBND tỉnh Hà Tĩnh
22	UBND tỉnh Quảng Bình
23	UBND tỉnh Quảng Trị
24	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế
25	UBND tỉnh Quảng Nam
26	UBND tỉnh Quảng Ngãi
27	UBND tỉnh Bình Định
28	UBND tỉnh Phú Yên
29	UBND tỉnh Khánh Hoà
30	UBND tỉnh Ninh Thuận
31	UBND tỉnh Bình Thuận
32	UBND tỉnh Kon Tum
33	UBND tỉnh Gia Lai
34	UBND tỉnh Đắk Lắk
35	UBND tỉnh Đắk Nông
36	UBND tỉnh Lâm Đồng
37	UBND tỉnh Bình Phước
38	UBND tỉnh Tây Ninh
39	UBND tỉnh Bình Dương

40	UBND tỉnh Đồng Nai
41	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
42	UBND tỉnh Long An
43	UBND tỉnh Trà Vinh
44	UBND tỉnh Vĩnh Long
45	UBND tỉnh An Giang
46	UBND tỉnh Kiên Giang
47	UBND thành phố Cần Thơ
48	UBND tỉnh Hậu Giang
49	UBND tỉnh Sóc Trăng
50	UBND tỉnh Bạc Liêu
51	UBND tỉnh Cà Mau